

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH LƯU  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nghệ

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Tình và ông Nguyễn Thế Hùng.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mỹ Linh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 185/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2022/QĐXXST-HNGĐ; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Khối Q, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm T, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An vào ngày 12/01/2022. Kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh T1 đòi chị đưa tiền nộp vào tài khoản để chơi game nhưng chị không đưa nên anh T1 đánh

đập chị và nhấn tin tán tỉnh phụ nữ khác. Mâu thuẫn căng thẳng nên chị về thị xã T sống từ cuối tháng 5/2022, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn liên lạc quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, hôn nhân không hạnh phúc, chị T xin ly hôn anh Trần Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt hợp lệ đơn khởi kiện và các tài liệu khởi kiện, giấy báo đương sự, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn, thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn anh Trần Văn T1 nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Biên bản xác minh bà Trần Thị Đ (mẹ đẻ của anh T1) trình bày như sau: Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh T1 đi làm ở miền nam từ khoảng tháng 5/2022 đến nay. Cuộc sống hôn nhân giữa anh T1 và chị T không có mâu thuẫn nghiêm trọng. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị T quản lý hoàn toàn về kinh tế, không tâm lý cho anh T1 trong chi phí sinh hoạt, giao lưu. Chị T hay ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng cãi nhau nên chị T bỏ đi và anh T1 đi miền nam làm ăn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Chị T và anh T1 chưa có con chung. Các tài liệu, thông báo Tòa án gửi bà Đ đã nhận được và đã thông báo lại cho anh T1. Ý kiến của anh T1 là đồng ý ly hôn với chị T, vợ chồng chưa có con chung. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt vì anh T1 không sắp xếp được thời gian về giải quyết trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu.

Kết quả xác minh tại UBND xã T: Anh Trần Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An. Cuộc sống hôn nhân giữa chị Đặng Thị T và anh Trần Văn T có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ vì không qua hòa giải tại cơ sở. Hiện nay chị T và anh T2 đang sống ly thân. Chị T và anh T1 chưa có con chung. Nay chị T xin được ly hôn anh T1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ

của mình theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 BLTTDS năm 2015. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án tới phiên tòa bị đơn đều vắng mặt.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị T.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Chị Đặng Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Văn T1, đây là vụ án “Ly hôn”. Anh Trần Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được Tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị T và anh T1 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do nghi ngờ ghen tuông nhau, bất đồng về kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân, chị T và anh T1 không còn quan tâm đến nhau nữa, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Trần Văn T1.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 chưa có con chung.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Trần Văn T1.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên miễn xét.
4. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0007844 ngày 10/6/2022.
5. Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T, anh Trần Văn T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã T (ĐKKH 2022);
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nghệ**

